

Tài liệu minh họa Sản phẩm Bảo hiểm  
Bảo hiểm Tích lũy đến tuổi 75

Đại diện Kinh doanh

:

Mã số ĐDKD

:

Văn phòng KD

:

Người được Bảo hiểm 1

NGUYỄN VĂN A

Tuổi 30

Ngày sinh 01/01/1987

Giới tính Nam

CMND/Hộ chiếu số

012345678

Công việc cụ thể

Tư vấn tài chính

Nhóm NN 2

Bên mua Bảo hiểm

NGUYỄN VĂN A

Tuổi 30

Ngày sinh 01/01/1987

Giới tính Nam

CMND/Hộ chiếu số

012345678

Công việc cụ thể

Tư vấn tài chính

Nhóm NN 2

| Sản phẩm bảo hiểm                                | Mệnh giá Sản phẩm (VNĐ) | Thời hạn Đóng phí (năm) | Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm (năm) | Phí bảo hiểm hàng năm (VNĐ) |
|--------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm Tích lũy đến tuổi 75                    | 500.000.000             | 15                      | 45                               | 17.625.000                  |
| Bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng | 500.000.000             | 15                      | 15                               | 1.425.000                   |
| Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng                 | 200.000                 | 15                      | 15                               | 284.000                     |
| Bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y              | 500.000.000             | 15                      | 15                               | 1.750.000                   |
| Bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y             |                         | 15                      | 15                               | 773.400                     |
| Tổng phí bảo hiểm                                |                         |                         |                                  | 21.857.400                  |

Tổng Phí bảo hiểm theo kỳ (VNĐ):

☐ Quý

6.120.000

☐ Nửa năm

11.584.500

☒ Năm

21.857.400

Minh họa Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính

• Quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được Bảo hiểm tử vong:

Bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm.

• Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn:

100% Mệnh giá Sản phẩm.

• Quyền lợi duy trì hợp đồng:

Được chi trả khi Chubb Life chấp thuận chi trả quyền lợi bảo hiểm trong trường hợp Người được Bảo hiểm tử vong hoặc khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn.

• Quyền lợi tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại:

Khi Hợp đồng Bảo hiểm có Giá trị Hoàn lại, Bên mua Bảo hiểm có quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại của Hợp đồng Bảo hiểm.

Minh họa Quyền lợi bảo hiểm của (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung

1) Bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng:

Nếu Người được Bảo hiểm bị chấn thương do tai nạn dẫn đến bị chấn thương nội tạng hay xương khớp, bông, tàn tật hoặc tử vong do Tai nạn, Số tiền Bảo hiểm được chi trả theo một tỷ lệ phần trăm của Mệnh giá Sản phẩm của sản phẩm này.

2) Bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng:

Nếu Người được Bảo hiểm nằm viện làm Bệnh nhân nội trú tại Bệnh viện để điều trị Bệnh, Tồn thương hoặc trải qua quá trình Phẫu thuật, Chubb Life sẽ chi trả các quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ nằm viện, hỗ trợ điều trị tổn thương, hỗ trợ điều trị tại Khoa hồi sức tích cực, hỗ trợ phẫu thuật và hỗ trợ phẫu thuật đặc biệt theo quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm bổ sung.

3) Bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y:

Nếu Người được Bảo hiểm được Bác sĩ chẩn đoán mắc Bệnh Nan Y, Số tiền Bảo hiểm được chi trả bằng Mệnh giá của sản phẩm này nhân với tỷ lệ phần trăm được quy định trong Hợp đồng Bảo hiểm tùy thuộc vào tuổi của Người được Bảo hiểm tại thời điểm chẩn đoán xác định mắc Bệnh Nan Y.

4) Bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y:

Nếu Người được Bảo hiểm được Bác sĩ chẩn đoán mắc Bệnh Nan Y, Chubb Life sẽ miễn nghĩa vụ đóng phí còn lại của Hợp đồng Bảo hiểm kể từ ngày đến hạn đóng phí của kỳ phí kế tiếp sau ngày chẩn đoán xác định mắc Bệnh Nan Y của Người được Bảo hiểm.

Bảng minh họa Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm

Đơn vị: nghìn Đồng

| Năm<br>HĐ | Tuổi<br>NDBH | Tổng Phí<br>BH đóng<br>trong năm<br>(1) | Giá Trị Đảm Bảo      |                     | Giá trị minh họa theo lãi suất dự kiến công bố |                      |                     |                               |                      |                     |
|-----------|--------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------|---------------------|
|           |              |                                         |                      |                     | 6 %/năm                                        |                      |                     | 8 %/năm                       |                      |                     |
|           |              |                                         | QLBH của NDBH<br>(2) | Giá Trị Hoàn<br>lại | QL duy trì HĐ<br>& QL đáo hạn                  | QLBH của NDBH<br>(2) | Giá trị Hoàn<br>lại | QL duy trì HĐ<br>& QL đáo hạn | QLBH của NDBH<br>(2) | Giá trị Hoàn<br>lại |
| 1         | 31           | 21.857                                  | 1.500.000            | 0                   | 0                                              | 1.500.000            | 0                   | 0                             | 1.500.000            | 0                   |
| 2         | 32           | 21.857                                  | 1.500.000            | 0                   | 0                                              | 1.500.000            | 0                   | 0                             | 1.500.000            | 0                   |
| 3         | 33           | 21.857                                  | 1.500.000            | 5.500               | 0                                              | 1.500.000            | 5.500               | 0                             | 1.500.000            | 5.500               |
| 4         | 34           | 21.857                                  | 1.500.000            | 11.500              | 330                                            | 1.500.330            | 11.500              | 440                           | 1.500.440            | 11.500              |
| 5         | 35           | 21.857                                  | 1.500.000            | 18.000              | 1.040                                          | 1.501.040            | 18.000              | 1.395                         | 1.501.395            | 18.000              |
| 6         | 36           | 21.857                                  | 1.500.000            | 25.000              | 2.182                                          | 1.502.182            | 25.000              | 2.947                         | 1.502.947            | 25.000              |
| 7         | 37           | 21.857                                  | 1.500.000            | 32.000              | 3.813                                          | 1.503.813            | 32.000              | 5.183                         | 1.505.183            | 32.000              |
| 8         | 38           | 21.857                                  | 1.500.000            | 39.500              | 5.962                                          | 1.505.962            | 39.500              | 8.157                         | 1.508.157            | 39.500              |
| 9         | 39           | 21.857                                  | 1.500.000            | 48.000              | 8.690                                          | 1.508.690            | 48.000              | 11.970                        | 1.511.970            | 48.000              |
| 10        | 40           | 21.857                                  | 1.500.000            | 56.500              | 12.091                                         | 1.512.091            | 56.500              | 16.767                        | 1.516.767            | 56.500              |
| 11        | 41           | 21.857                                  | 1.500.000            | 65.500              | 16.207                                         | 1.516.207            | 65.500              | 22.629                        | 1.522.629            | 65.500              |
| 12        | 42           | 21.857                                  | 1.500.000            | 75.000              | 21.109                                         | 1.521.109            | 75.000              | 29.679                        | 1.529.679            | 75.000              |
| 13        | 43           | 21.857                                  | 1.500.000            | 85.500              | 26.875                                         | 1.526.875            | 85.500              | 38.053                        | 1.538.053            | 85.500              |
| 14        | 44           | 21.857                                  | 1.500.000            | 96.500              | 33.618                                         | 1.533.618            | 96.500              | 47.938                        | 1.547.938            | 96.500              |
| 15        | 45           | 21.857                                  | 1.500.000            | 108.000             | 41.425                                         | 1.541.425            | 108.000             | 59.493                        | 1.559.493            | 108.000             |
| 16        | 46           | 0                                       | 500.000              | 113.500             | 50.391                                         | 550.391              | 124.939             | 72.892                        | 572.892              | 130.047             |
| 20        | 50           | 0                                       | 500.000              | 139.000             | 95.686                                         | 595.686              | 165.601             | 143.161                       | 643.161              | 178.799             |
| 25        | 55           | 0                                       | 500.000              | 178.000             | 179.801                                        | 679.801              | 242.009             | 282.030                       | 782.030              | 278.403             |
| 30        | 60           | 0                                       | 500.000              | 226.500             | 306.704                                        | 806.704              | 365.437             | 505.937                       | 1.005.937            | 455.690             |
| 35        | 65           | 0                                       | 500.000              | 288.000             | 494.490                                        | 994.490              | 572.827             | 859.809                       | 1.359.809            | 783.250             |
| 40        | 70           | 0                                       | 500.000              | 371.500             | 769.005                                        | 1.269.005            | 942.871             | 1.411.906                     | 1.911.906            | 1.420.546           |
| 45        | 75           | 0                                       | 500.000              | 500.000             | 1.669.327                                      | 1.669.327            | 1.669.327           | 2.768.712                     | 2.768.712            | 2.768.712           |

| Năm<br>HĐ | Tuổi<br>NĐBH | Tổng Phí<br>BH đóng<br>trong năm<br>(1) | Giá Trị Đảm Bảo      |                     | Giá trị minh họa theo lãi suất dự kiến công bố |                      |                     |                               |                      |                     |
|-----------|--------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------------------------------|----------------------|---------------------|-------------------------------|----------------------|---------------------|
|           |              |                                         |                      |                     | 6 %/năm                                        |                      |                     | 8 %/năm                       |                      |                     |
|           |              |                                         | QLBH của NĐBH<br>(2) | Giá Trị Hoàn<br>lại | QL duy trì HĐ<br>& QL đáo hạn                  | QLBH của NĐBH<br>(2) | Giá trị Hoàn<br>lại | QL duy trì HĐ<br>& QL đáo hạn | QLBH của NĐBH<br>(2) | Giá trị Hoàn<br>lại |
| Tổng cộng |              | 327.861                                 |                      |                     |                                                |                      |                     |                               |                      |                     |

- (1) Tổng Phí bảo hiểm đóng trong năm đã bao gồm Phí bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm chính và (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có). Tỷ lệ Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có) có thể thay đổi tùy theo sự phê duyệt của Bộ Tài chính.
- (2) Quyền lợi Bảo hiểm được minh họa = 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm Bảo hiểm chính + Quyền lợi duy trì hợp đồng tích lũy (nếu có) + 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm bảo hiểm tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng (nếu có) + 100% Mệnh giá Sản phẩm của Sản phẩm bảo hiểm theo mức độ cho bệnh nan y (nếu có).  
Quyền lợi Bảo hiểm được minh họa không bao gồm Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ nằm viện mở rộng (nếu có) và Sản phẩm bảo hiểm miễn đóng phí do bệnh nan y (nếu có).

Ghi chú: Xin vui lòng xem thêm Hợp đồng Bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều kiện, điều khoản liên quan đến (các) quyền lợi trong Tài liệu minh họa này.

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- Bảng minh họa trình bày trên đây được áp dụng cho trường hợp điều kiện bảo hiểm chuẩn của Chubb Life.
- Phí bảo hiểm thực tế phụ thuộc vào quyết định thẩm định của Chubb Life.
- Các giá trị minh họa nêu trên được tính trên cơ sở cuối Năm hợp đồng, Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ theo định kỳ đóng phí và không có bất kỳ khoản tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại.
- Khi Hợp đồng Bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, không có bất kỳ quyền lợi nào được chi trả.
- Bên mua Bảo hiểm và Chubb Life đều có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực của sản phẩm Sản phẩm Bảo hiểm bổ sung (nếu có) bằng cách gửi thông báo yêu cầu chấm dứt bằng văn bản cho bên kia chậm nhất ba mươi (30) ngày trước Ngày đáo niên hàng năm.
- Tài liệu minh họa này không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- Tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm này chỉ cung cấp cho khách hàng các thông tin cơ bản về đặc tính sản phẩm.
- Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

|                                                                                                                               |                       |                           |                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| <div>Bên mua Bảo hiểm</div> <div>(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)</div>                                                  | <div>Chữ ký</div>     | <div>Ngày/tháng/năm</div> |                           |
| <div>Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.</div> |                       |                           |                           |
| <div>ĐKKD/Người làm chứng</div> <div>(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)</div>                                              | <div>Mã số ĐKKD</div> | <div>Chữ ký</div>         | <div>Ngày/tháng/năm</div> |